

ĐỀ THI

1. Tình huống nào gây cơn đau bả thận?
 - a. sỏi niệu quản
 - b. sỏi san hô thận
 - c. ung thư cổ tử cung chèn ép niệu quản
 - d. lao niệu quản
2. Sỏi niệu quản ở vị trí nào gây hội chứng đường tiểu dưới?
 - a. sỏi niệu quản gần khúc nối bể thận niệu quản
 - b. sỏi niệu quản đoạn lưng
 - c. sỏi niệu quản đoạn chậu
 - d. sỏi miệng niệu quản
3. Chỉ định nhập viện điều trị của cơn đau quặn thận?
 - a. thận ứ nước
 - b. viêm thận bể thận
 - c. gây thận cùng bên mất chức năng
 - d. Niệu quản trên sỏi dẫn
4. Triệu chứng thường gặp của sỏi bàng quang?
 - a. sốt
 - b. đau quặn thận
 - c. tiểu máu
 - d. bế tắc giữa dòng
5. Vấn đề phải làm cho bệnh nhân sỏi san hô hai bên
 - a. Dùng kháng sinh
 - b. mổ ngay

c. đánh giá chức năng thận

d. cấy nước tiểu tìm vi trùng

6. Triệu chứng viêm bàng quang đơn giản ở phụ nữ

a. sốt ớn lạnh

b. tiểu khó

c. tiểu gắt cuối dòng

d. đau lưng

7. Yếu tố gây kéo dài viêm bàng quang

a. túi thừa bàng quang

d. bàng quang thần kinh

c. sỏi bàng quang

d. tất cả đúng

8. Sốt kéo dài ở bệnh nhân viêm thận bể thận cấp tính, phải nghĩ tới

a. sỏi bàng quang

b. áp xe thận hoặc quanh thận

c. ung thư tế bào thận

d. xuất huyết từ thận

9. Viêm bàng quang thai kỳ được xếp loại nào?

a. viêm bàng quang xuất huyết

b. viêm bàng quang phức tạp

c. viêm bàng quang đơn giản

d. viêm bàng quang đa kháng thuốc

10. Viêm thận bể thận cấp tính do sỏi bể thận

a. điều trị nội khoa và dẫn lưu thận càng sớm càng tốt

b. Chỉ điều trị nội khoa

c. Cần xem thêm có biến chứng áp xe thận không

d. a và c đúng

11. ung thư bàng quang phải được loại trừ

a. nam giới trung niên hút thuốc lá tiểu máu

b. Phụ nữ trẻ tiểu máu lần đầu kèm tiểu gắt

c. nam giới trung niên hút thuốc thay đổi thói quen đi tiểu

d. a và c đúng

12. Khám ung thư bàng quang, điều cần thiết nhất

a. thăm khám hai tay (tay trên bụng và tay trong trực tràng hoặc âm đạo)

b. siêu âm bụng

c. Nội soi bàng quang

d. tế bào học nước tiểu

13. Sỏi bàng quang lâu năm gây

a. suy thận

b. viêm bàng quang mạn tính và ung thư tế bào vảy ở bàng quang

c. ung thư tế bào chuyển tiếp bàng quang

d. viêm bàng quang xuất huyết

14. Triệu chứng ung thư bàng quang

a. Tiểu máu

b. tiểu khó

c. tiểu ngắt quãng

d. bí tiểu

15. Hình dạng máu cục khi tiểu máu do ung thư bàng quang

- a. hình con giun
- b. hình con giun kèm đau quặn thận
- c. không có hình dạng điển hình
- d. có trụ hồng cầu

16. Triệu chứng kích thích của bướu lành tuyến tiền liệt

- a. tiểu nhiều lần
- b. tiểu máu
- c. tiểu ngắt quãng
- d. tiểu khởi động chậm

17. Giai đoạn mất bù bàng quang trong bướu lành tuyến tiền liệt

- a. có cầu bàng quang
- b. nước tiểu tồn lưu tăng lên
- c. bí tiểu
- d. tất cả

18. bướu lành tuyến tiền liệt xảy ra ở vùng giải phẫu nào?

- a. vùng chuyển tiếp
- b. vùng ngoại biên
- c. vùng trung tâm
- d. vùng trước

19. điều cần thiết khi khám tiền tiền liệt

- a. thang điểm IPSS
- b. khám tuyến tiền liệt qua ngã trực tràng bằng ngón tay
- c. thang điểm đánh giá chất lượng sống dưới ảnh hưởng của bướu
- d. tất cả

20. Thuốc alpha blocker có tác dụng

- a. dẫn cơ thắt trơn niệu đạo
- b. dẫn cơ trơn trong tuyến tiền liệt
- c. tác dụng lên thụ thể cảm giác trong bàng quang
- d. tất cả

21. dạng ung thư tuyến tiền liệt thường gặp

- a. sarcoma
- b. carcinoma
- c. ung thư tế bào chuyển tiếp
- d. lymphoma

22. ung thư tuyến tiền liệt, PSA thấp khi nào?

- a. carcinoma biệt hóa kém
- b. sarcoma
- c. carcinoma biệt hóa cao
- d. a và b

23. vùng giải phẫu hay xảy ra ung thư tuyến tiền liệt

- a. vùng trung tâm
- b. vùng chuyển tiếp
- c. vùng ngoại biên
- d. vùng trước

24. sinh thiết tuyến tiền liệt dưới hướng dẫn siêu âm ngả trực tràng

- a. giúp biết được mức độ biệt hóa tế bào ung thư
- b. phát hiện sớm ung thư tuyến tiền liệt
- c. chống chỉ định khi rối loạn đông máu

d. tất cả

25. ung thư tuyến tiền liệt hay di căn đến

a. xương trục

b. xương chày

c. gan

d. lách

26. Tốc độ dòng nước tiểu ở bệnh nhân mắc bứu lạnh tuyến tiền liệt lâu ngày

a. Không thay đổi

b. dưới 7 ml/s

c. trên 20 ml/s

d. khoảng 10 đến 15 ml/s

27. Đánh giá sức cơ bàng quang bằng phương pháp nào?

a. Siêu âm

b. Niệu dòng đồ

c. áp lực đồ bàng quang

d. điện cơ tăng sinh môn

28. Áp lực đồ bàng quang dùng để đánh giá trường hợp nào sau đây?

a. sỏi bàng quang

b. viêm bàng quang

c. rò bàng quang âm đạo

d. bàng quang thần kinh

29. Ở nữ, áp lực ổ bụng có thể đánh giá bằng cách đặt thông vào

a. Ngả xuyên bàng quang trên xương mu

b. ngả âm đạo

c. ngã bàng quang

d. qua lỗ mở bàng quang ra da

30. Nguyên nhân thường nhất gây bàng quang thần kinh mất trương lực

a. tai biến mạch máu não

b. chấn thương tủy cổ

c. chấn thương tủy trên vùng tủy cùng

d. đái tháo đường

31. Nguyên nhân gây tắc độ dòng tiểu yếu

a. do viêm bàng quang

b. do ung thư bàng quang

c. do suy detrusor

d. do đa niệu

32. Nước tiểu tồn lưu tăng trong trường hợp nào?

a. Bàng quang thần kinh tăng trương lực

b. hẹp niệu đạo

c. do tiểu nhiều lần

d. do sỏi bàng quang

33. yếu tố nào không góp phần tạo thành dòng nước tiểu

a. cơ detrusor

b. niệu đạo

b. cơ thắt niệu đạo

d. hai miệng niệu quản

34. yếu tố nào không thấy khi đo áp lực đồ bàng quang

a. áp lực cơ detrusor

b. áp lực ổ bụng

c. áp lực niệu đạo

d. tổng áp lực trong bàng quang

35. Nước tiểu tồn lưu, chọn câu sai

a. là nước tiểu còn lại sau khi vừa tiểu xong

b. là nước tiểu còn lại sau khi vừa tiểu xong khi bí tiểu mạn

c. có thể đo bằng siêu âm

d. là nước tiểu của người suy thận mạn

36. Trường hợp nào không gây suy thận cấp tính

a. mất máu cấp

b. hủy hoại mô thận cấp tính

c. bế tắc niệu quản hai bên cùng lúc

d. bế tắc niệu quản một bên

37. Trường hợp suy thận sau thận, câu nào sai

a. bế tắc niệu quản hai bên cùng lúc

b. bế tắc niệu quản của thận độc nhất

c. bế tắc hai niệu quản không hoàn toàn

d. bế tắc niệu quản một bên và thận đối diện đã mất chức năng

38. Điều trị suy thận sau thận

a. vừa lọc máu (khi có chỉ định) vừa phẫu thuật

b. chỉ lọc máu

c. chỉ phẫu thuật

d. Thâm phân phúc mạc

39. Nguyên nhân gây suy thận mạn, chọn câu sai

- a. thận đa nang hai bên
- b. bàng quang thận kinh tăng trương lực (kéo dài)
- c. viêm thận bể thận hai bên dẫn đến mạn tính
- d. thận đa nang một bên

40. xét nghiệm đánh giá chức năng thận tốt nhất

- a. ure máu
- b. độ lọc cầu thận
- c. creatinine máu
- d. tổng phân tích nước tiểu

41. Yếu tố là thận phải thấp hơn thận trái

- a. tá tràng
- b. mở quanh thận
- c. tĩnh mạch thận phải ngắn
- d. gan

42. Nhu động niệu quản phát xuất từ:

- a. tháp thận
- b. đỉnh đài thận
- c. bể thận
- d. nhú thận

43. Tam giác bàng quang, ý nào sai?

- a. giới hạn bởi: hai miệng niệu quản và cổ bàng quang
- b. là phần nhận biệt bàng quang đầy hay không đầy
- c. có biểu mô chuyên tiếp
- d. không thay đổi khi đi tiểu

44. Niệu đạo nam, câu nào sai

- a. vừa dẫn nước tiểu vừa dẫn tinh dịch
- b. Niệu đạo trước và sau
- c. nằm trong thể xốp
- d. không có vị trí hẹp

45. Câu nào sai?

- a. tĩnh mạch sinh dục phải đổ vào tĩnh mạch thận phải
- b. tĩnh mạch thận trái dài hơn tĩnh mạch thận phải
- c. tĩnh mạch tinh hoàn trái không có van
- d. dẫn tinh mạch thừng tinh phải phổ biến hơn so với bên trái

46. Cơ thẳng và cơ vuông thắt lưng. Chọn câu sai

- a. nguyên ủy từ ngực 12 đến lưng 5
- b. ½ dân số có cơ thẳng thứ hai
- c. cơ vuông thắt lưng nằm gần cơ thẳng
- d. bám tận của hai cơ này khác nhau.

47. Đường kính trước sau của thận là

- a. 5 cm
- b. 7 cm
- c. 3cm
- d. 8 cm

48. Đặc điểm của xoang thận

- a. nằm ở bờ ngoài thận
- b. không có mỡ bao quanh
- c. có mạch máu và đài bể thận
- d. không giúp ích khi định hướng phẫu thuật

49. một chất mà thận tiết ra có vai trò quan trọng điều hòa huyết áp

- a. erythropoitein
- b. renin
- c. 1,25 vitamin D
- d. prostaglandin

50. Cột Bertin là phần

- a. thuộc tủy thận
- b. thuộc hệ thống thu thập nước tiểu
- c. thuộc vỏ thận.
- d. bọc xung quanh tháp thận

51. Chân Gerota bọc quanh thận trừ

- a. cực trên
- b. cực dưới
- c. bờ ngoài
- d. bờ trong

52. Từ trước ra sau thận, cấu trúc gặp đầu tiên

- a. động mạch thận
- b. tĩnh mạch thận
- c. bể thận
- d. nhú thận

53. Ý sai về niệu quản

- a. bắt đầu trước động mạch thận
- b. đi dọc mặt trước cơ thẳng
- c. mạch máu sinh dục đi trước niệu quản
- d. niệu quản đi trước động mạch chậu

54. ung thư tế bào thận giai đoạn đầu

a. dễ dàng phát hiện

b. dễ sờ thấy

c. thường không triệu chứng

d. nhiều triệu chứng

55. Không phải biểu hiện tại chỗ của khối u ung thư tế bào thận

a. đau hông

b. sờ được khối u

c. Khối máu tụ quanh thận

d. ho

56. biểu hiện di căn của ung thư tế bào thận

a. Ho

b. tiểu máu

c. khối u

d. đau hông

57. Biểu hiện ung thư thận chèn ép tĩnh mạch chủ dưới là:

a. Phù hai chân

b. suy thận

c. đau bụng

d. tiểu máu

58. Nhờ phát hiện sớm nên ung thư tế bào thận

a. Không điều trị bằng phẫu thuật

b. chỉ di căn trong ổ bụng

c. bệnh nhân khám với tam chứng: khối u, tiểu máu, đau hông

d. không thấy khi siêu âm

59. Hội chứng cận ung gặp 20% bệnh nhân ung thư tế bào thận, hội chứng gồm có

a. hạ canxi máu

b. hạ huyết áp

c. đa hồng cầu

d. giảm hồng cầu

60. các nguyên nhân gây tiểu máu, chọn câu sai

a. ung thư hệ niệu mạc

b. sỏi niệu

c. chấn thương hệ niệu

d. viêm âm đạo

61. Nguy cơ thấp gây ung thư niệu mạc bàng quang

a. hút thuốc

b. tiếp xúc benzenes

c. xạ trị vùng chậu

d. tuổi dưới 40 +tiểu máu vi thể

62. nguyên nhân gây tinh dịch có máu, chọn ý sai

a. Viêm tuyến tiền liệt

b. sỏi túi tinh

c. loạn sản niêm mạc túi tinh

d. ung thư bàng quang

63. Nguyên nhân gây tiểu đêm, chọn ý sai

a. chỉ có nguyên nhân từ đường tiết niệu

b. là nguyên nhân gây mất ngủ

c. mất ngủ cũng gây tiểu đêm

d. cần ghi nhật ký đi tiểu

64. Nguyên nhân gây đau hông cấp tính

a. herpes zoster

b. viêm đáy phổi, viêm màng phổi

c. căng cơ vùng hông

d. Trào ngược dạ dày thực quản

65. nguyên nhân gây đau hông mạn tính

a. sỏi san hô ở thận

b. máu cục trong niệu quản

c. sỏi niệu quản

d. phình bóc tách động mạch chủ

66. Vasa recta có nguồn gốc từ:

a. Afferent artery của quản cầu Malpighi.

b. Efferent artery của quản cầu Malpighi.

c. động mạch thận.

d. tĩnh mạch thận.

67. cơ chế đối lưu gia bội diễn ra ở:

a. quản cầu thận.

b. ống lượn gần.

c. nhánh lên của quai Henle.

d. ống thu thập Bellini.

68. Cơ chế đối lưu gia bội cần thành phần :

a. Nhánh xuống của quai Henle.

b. Nhánh lên của quai Henle.

c. Vasa recta.

d. tất cả đều đúng.

69. Bộ máy kê quản cầu chiếm vị trí chính ở:

a. động mạch nhập.

b. động mạch xuất.

c. Macula densa.

d. Nhánh lên của quai Henle.

70. Thụ thể beta1 adrenergic được xem là động lực chính kích thích sự phân tiết renin trong khi ức chế sự phân tiết này được xem là do:

a. Adenosine.

b. Prostaglandin F2 alpha.

c. thuốc khóa thụ thể beta1.

d. a & c đúng.

71. Nesiritide là một thuốc tổng hợp có tác dụng lợi tiểu mất Natri được mô phỏng từ:

a. Natriuretic peptides.

- b. Angiotensin I.
- c. Angiotensin II.
- d. Men chuyển (angiotensin converting enzyme).

72. Tín hiệu thứ cấp tạo ra bởi ANP&BNP :

- a. cAMP.
- b. cGMP.
- c. Ca⁺⁺.
- d. ADP.

73. Nhóm thuốc lợi tiểu Aquaretics gồm tolvaptan & conivaptan hoạt động đối vận :

- a. thụ thể alpha1 adrenergic.
- b. thụ thể beta1 adrenergic.
- c. AT 1.
- d. Vasopressin V2.

74. PGI₂ & PGE₂ làm tăng lượng máu đến mao mạch của quần cầu Malpighi do:

- a. Giãn động mạch nhập.
- b. Giãn động mạch xuất.
- c. Giãn Vasa recta .
- d. Giãn cả động và tĩnh mạch của Vasa recta.

75. Tamsulosin là thuốc có thể làm giảm áp lực niệu đạo trong phì đại tiền liệt tuyến lành tính do khóa thụ thể:

- a. Alpha1 adrenergic.
- b. Alpha2 adrenergic.
- c. Beta1 adrenergic.
- d. Beta2 adrenergic.

76. Bệnh nhân khám vì đau hông lưng trái, tiền sử không mắc bệnh gì, nguyên nhân thường nhất?

- a. đau quặn thận trái
- b. tắc ruột
- c. viêm tụy cấp
- d. sỏi túi mật

77. Xét nghiệp hình ảnh rẻ tiền đánh giá bệnh nhân sỏi niệu quản

- a. MRI
- b. siêu âm
- c. xạ hình thận
- d. chụp ngược dòng thận niệu quản cản quang

78. Phụ nữ trẻ mới lập gia đình bị tiểu gắt cuối dòng, nghi ngờ

- a. viêm thận bể thận
- b. viêm bàng quang cấp
- c. ung thư bàng quang
- d. lao bàng quang

79. Nam giới 44 tuổi hút thuốc lá tiểu máu không rát, phải tầm soát

- a. bướt bàng quang
- b. bướt thận
- c. viêm bàng quang
- d. sỏi bàng quang

80. Ông lão 80 tuổi khám vì tiểu đêm, cần phải làm gì?

- a. Nhật ký đi tiểu
- b. thăm trực tràng
- c. tìm nguyên nhân tiểu đêm
- d. tất cả

81. Sỏi niệu quan chậu có thể gây đau ở

- a. vai
- b. bùi
- c. bàn chân
- d. ngực

82. xoắn thừng tinh hay tinh hoàn có thể đau ở

- a. ngực
- b. vai
- c. bàn chân
- d. hông lưng cùng bên

83. Sỏi miệng niệu quản có thể gây

- a. tiểu máu dữ dội
- b. tiểu nhiều lần
- c. tiểu gấp
- d. b và c đúng

84. xét nghiệm đánh giá chức năng thận tốt nhất

- a. ure máu
- b. ure niệu
- c. độ lọc cầu thận
- d. UIV

85. Nguy cơ làm cho nữ dễ bị viêm bàng quang

- a. niệu đạo ngắn
- b. bàng quang to hơn nam
- c. cơ thắt ngoài yếu
- d. tất cả sai

86. Nữ bị huyết trắng màu vàng và tiểu gắt, nghi ngờ

- a. sỏi bàng quang
- b. ung thư bàng quang
- c. nhiễm Chlamydia
- d. bàng quang thần kinh

87. Bướu bàng quang cạnh miệng niệu quản, phải tìm gì thêm?
- sỏi thận
 - bướu niệu mạc đường tiểu trên cùng bên
 - tím viêm bàng quang
 - tím lao bàng quang
88. Bệnh nhân nữ ra huyết âm đạo, gần đây suy thận mạn, nên làm gì?
- thăm âm đạo
 - siêu âm bụng
 - ion đồ máu
 - tất cả
89. Khi bệnh nhân nói bị tiểu máu, phải làm gì?
- khám mẫu nước tiểu+hỏi bệnh sử
 - chụp CT ngay
 - nội soi ngay
 - sinh thiết ngay
90. Ung thư tuyến tiền liệt dạng nào PSA tăng ít hoặc không tăng?
- sarcoma
 - carcinoma biệt hóa cao
 - carcinoma biệt hóa kém
 - a và c đúng
91. PSA là gì?
- chất làm tan protein
 - chất làm tăng máu
 - có vai trò trong sinh sản nam
 - tất cả đúng
92. Viêm thận bể thận cấp, sốt kéo dài và không đáp ứng với điều trị, phải nghĩ tới
- áp xe trong thận
 - viêm quanh thận
 - áp xe sau phúc mạc
 - tất cả đúng
93. Bệnh nhân tăng huyết áp và kali máu hạ, cần nghĩ gì
- hội chứng Conn
 - suy thận
 - ung thư thận
 - sỏi san hô hai thận
94. Hormone sinh dục nam có từ đâu?
- tinh hoàn
 - tuyến thượng thận
 - tuyến tiền liệt
 - a và b

95. Tế bào Leydig bị hormone nào tác động?
- a. FSH
 - b. TSH
 - c. LH
 - d. Oxytocin
96. Ống sinh tinh do hormone nào chi phối?
- a. LH
 - b. FSH
 - c. TSH
 - d. melatonin
97. Điều nào sai về nước tiểu bình thường?
- a. acid nhẹ
 - b. nặng hơn nước
 - c. có tính kiềm mạnh
 - d. màu vàng nhạt
98. Sỏi niệu, trong tình huống nào ít nguy hiểm
- a. sỏi niệu quản hai bên
 - b. sỏi ở thận độc nhất
 - c. sỏi thận kèm theo thận ứ mủ
 - d. sỏi ở một đài thận
99. Viêm bàng quang phức tạp xảy ra khi
- a. có đái tháo đường
 - b. không có bất thường giải phẫu
 - c. không suy giảm miễn dịch
 - d. không suy thận
100. Nhu động niệu quản
- a. xuất phát từ các đỉnh đài thận
 - b. tập trung lại thành một ở khúc nối bể thận niệu quản
 - c. giúp tạo áp lực tống nước tiểu
 - d. tất cả đúng

